

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Đức
- Bà Nguyễn Ngọc Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Ông Lương Duy Long - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2024/QĐXX - ST ngày 07 tháng 8 năm 2024, Q quyết định hoãn phiên Tòa số 31/2024/QĐST- HNGĐ ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vị Thị U**, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Bản Lọng, xã **N**, huyện **V**, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Anh T**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: **Thôn P**, xã **V**, thành phố **T**, tỉnh Thái Bình.

(Anh Tú vắng mặt tại phiên Tòa, chị **U** có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/3/2024, cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn chị **Vị Thị U** trình bày: Chị và anh **Hoàng Anh T** tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 06/01/2021 tại Ủy ban nhân dân

xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại quê anh T tại thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí anh T còn đánh đập chị. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, anh T ham chơi, không chịu làm ăn, khi chị khuyên bảo anh T lại đánh chị. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ cuối năm 2022, chị và anh T đã sống ly thân, chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đến thời điểm hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân, do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Hoàng Anh T. Việc ly hôn chị đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Về nuôi con chung: Chị và anh Hoàng Văn T1 không có con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa nhưng anh T không đến Tòa án.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị U được ly hôn anh Hoàng Anh T. Về quan hệ con chung: Chị U, anh T không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Vi Thị U phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

- Về thủ tục tố tụng: Chị Vi Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt của nguyên đơn. Anh Hoàng Anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

- Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị U và anh Hoàng Anh T kết hôn với nhau có đăng ký ngày 06/01/2021, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống giữa chị **U** và anh **T** không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Chị **U** và anh **T** đều bất đồng về suy nghĩ cũng như lối sống, hành động đều trái ngược nhau, do đó hai bên không quan tâm, không có trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, chị **U** kiên quyết xin ly hôn anh **T**, như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị **U** và anh **T** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Vì Thị U**, xử cho chị **U** được ly hôn anh **T**.

[2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị **U** và anh **T** không có con chung nên không phải giải quyết.

[3]. Về quan hệ tài sản và nợ chung chị **U** khai: Chị **U** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tú không có văn bản nào gửi Tòa thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản và không có lời khai về phần tài sản, không có mặt tại phiên tiếp cận chứng cứ công khai và hòa giải, tại phiên Tòa. Do đó phần tài sản Tòa án không giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu chia tài sản phải thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định chung của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Chị **U** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Vì Thị U** được ly hôn anh **Hoàng Anh T**.

2. Về quan hệ con chung: Chị **Vì Thị U** và anh **Hoàng Anh T** không có con chung nên không phải giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Tòa án không giải quyết về phần tài sản. Khi nào chị **U** và anh **T** có yêu cầu chia tài sản phải thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định chung của pháp luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ thụ lý và giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị **Vì Thị U** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị **U** đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001304 ngày 17

tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chuyển số tiền chị **U** đã nộp tạm ứng 300.000 đồng sang tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **Vị Thị U** và anh **Hoàng Anh T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH:
UBND xã Nghĩa Sơn, huyện Văn Chấn,
tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh